UBND XÃ ĐẠI ĐỒNG **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 100./TTr-BQL	*Đại Đồng, ngày 17 tháng 7 năm 2026*

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị Chủ tịch UBND xã Đại Đồng ban hành Quyết định thu hồi đất do UBND xã quản lý khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử, đồ uống và đồ nhựa dùng trong ngành sản xuất đồ uống của công ty TNHH Phú Thịnh HY trên địa bàn xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên

Kính gửi:

- Chủ tịch UBND xã Đại Đồng;
- Phòng kinh tế xã.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 151/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/ĐH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND ngày 12/6/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 812/2026/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về bảng giá đất lần đầu công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 ban hành quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 về việc phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 25/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà

đầu tư cấp lần đầu ngày 25/10/2017, điều chỉnh lần thứ hai ngày 09/02/2026; số 08/2026/QĐ-UBND ngày 23/02/2026 hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Công văn của UBND tỉnh Hưng Yên: số 669/UBND-KT2 ngày 06/02/2026 về việc triển khai thực hiện một số nội dung theo Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính Phủ; số 283/UBND-KT2 ngày 15/02/2019 và số 2309/UBND-KT2 ngày 28/4/2026 về việc chấp thuận chủ trương cho phép công ty TNHH Phú Thịnh HY nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất;

Căn cứ Thông báo số 62/TB-CTUBND ngày 09/6/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử, đồ uống và đồ nhựa dùng trong ngành sản xuất đồ uống của công ty TNHH Phú Thịnh HY trên địa bàn xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 329/QĐ-CTUBND ngày 09/7/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất do UBND xã Đại Đồng quản lý để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử, đồ uống và đồ nhựa dùng trong ngành sản xuất đồ uống của công ty TNHH Phú Thịnh HY trên địa bàn xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên.

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Đại Đồng đề nghị Chủ tịch UBND xã ban hành quyết định thu hồi đất đất do UBND xã quản lý khi Nhà nước thu hồi đất để thực dự án Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử, đồ uống và đồ nhựa dùng trong ngành sản xuất đồ uống của công ty TNHH Phú Thịnh HY trên địa bàn xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

1. Diện tích thu hồi: 3.860,1m^2 *(Ba nghìn tám trăm sáu mươi phẩy một mét vuông)* đất do UBND xã Đại Đồng quản lý, trong đó:

+ Đất giao thông (DGT): 715,0m^2

+ Đất thủy lợi (DTL): 2.647,9m^2;

+ Đất chuyên trồng lúa nước (LUC): 497,2m^2.

(Có danh sách kèm theo)

2. Vị trí thu hồi đất: Vị trí, ranh giới thu hồi tại các thửa đất số: 37, 282, 62, 172, 84, 101, 116, 98, 139, 130, 131, 132, 138, 137, 154, 158, 167, 175, tờ bản đồ số 15, tỷ lệ 1/2000 xã Đại Đồng và được xác định theo trích lục bản đồ địa chính do Văn Phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh lập ngày 10/01/2019; theo Thông báo số 478/TB-CNVPĐKĐĐ ngày 21/4/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Văn Lâm.

3. Mục đích thu hồi: Để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử, đồ uống và đồ nhựa dùng trong ngành sản xuất đồ uống của công ty TNHH Phú Thịnh HY.

4. Việc bố trí tái định cư: Không.

Ban quản lý dự án ĐTXD xã Đại Đồng đề nghị Chủ tịch UBND xã, phòng kinh tế xã xem xét quyết định phê duyệt./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

U.B.N.D XÃ ĐẠI ĐỒNG H.HƯNG YÊN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Hoàng Văn Hiểu

UBND XÃ ĐẠI ĐỒNG
BQLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CHỦ TỊCH UBND XÃ ĐẠI ĐỒNG BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH ĐẤT DO UBND XÃ QUẢN LÝ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT LINH KIỆN ĐIỆN TỬ, ĐỒ UỐNG VÀ ĐỒ NHỰA DÙNG TRONG NGÀNH SẢN XUẤT ĐỒ UỐNG CỦA CÔNG TY TNHH PHÚ THỊNH HY TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ĐẠI ĐỒNG

Kèm theo Tờ trình số: .../TTr-BQL ngày ...17... tháng...7... năm 2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD xã Đại Đồng

STT	Họ và tên	Số tờ, số thửa theo trích lục thực hiện dự án do Văn phòng Đăng ký đất đai trích lục ngày 10/01/2019 và Thông báo số 479/TB-CNVPĐKĐĐ ngày 21/4/2025		Tổng diện tích thu hồi	Loại đất	Ghi chú
		Số tờ	Số thửa			
	Đất do UBND xã quản lý					
1	Đất giao thông (DGT)	15	172	715.0	DGT	
2	Đất thủy lợi (DTL)	15	37	97.0	DTL	
		15	62	477.9	DTL	
		15	98	1,127.0	DTL	
		15	139	391.0	DTL	
		15	175	555.0	DTL	
3	Đất chuyên trồng lúa nước	15	58 (chỉnh lý thành thửa 282)	0.1	LUC	
		15	84	309.4	LUC	

STT	Họ và tên	Số tờ, số thửa theo trích lục thực hiện dự án do Văn phòng Đăng ký đất đai trích lục ngày 10/01/2019 và Thông báo số 479/TB-CNVPĐKĐĐ ngày 21/4/2025		Tổng diện tích thu hồi	Loại đất	Ghi chú
		Số tờ	Số thửa			
		15	83	100.0	LUC	
		15	101	9.0	LUC	
		15	116	0.7	LUC	
		15	130	2.1	LUC	
		15	131	0.1	LUC	
		15	132	16.4	LUC	
		15	138	0.6	LUC	
		15	137	0.9	LUC	
		15	154	30.6	LUC	
		15	158	24.7	LUC	
		15	167	2.6	LUC	
	TỔNG			**3,860.1**		